

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 154/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2018

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B -TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn

2. Ông Phạm Doãn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 812/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/5/2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Kim N, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Ái Q, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số aa, tổ 35, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm Kim N trình bày: Bà và ông Q xây dựng gia đình với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống và ông Q không có trách nhiệm với vợ con, ông Q thường xuyên uống rượu gây gỗ đánh vợ, bà đã hai lần nộp đơn xin ly hôn, tại Tòa ông Q cam kết sẽ đi làm ăn lo cho con cái và thương các con nên bà đã hai lần rút đơn xin ly hôn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ cùng lo cho con cái nhưng ông Q vẫn không thay đổi tính nết. Nay bà xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vẫn kéo dài từ thời điểm rút đơn xin ly hôn cho đến nay, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nên bà tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 20/8/2002 và Huỳnh Quốc M, sinh ngày 12/6/2009; Ly hôn, cháu M có nguyện vọng sống với mẹ nên bà xin được nuôi cháu M, cháu C có nguyện vọng sống với ba, bà đồng ý giao cháu C cho ông Q nuôi, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ông Huỳnh Ái Q trình bày: Ông và bà N đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, ông xác định có thường xuyên uống rượu, vì bị đau lưng nên một năm nay ông không đi làm. Nay bà N tiếp tục xin ly hôn, ông xét thấy ông theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 20/8/2002; Huỳnh Quốc M, sinh ngày 12/6/2009. Nếu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn, cháu C có nguyện vọng sống với ông thì ông nuôi, cháu M có nguyện vọng sống với bà N ông đồng ý giao cháu M cho bà N nuôi, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà N ông Q là hôn nhân hợp pháp, bà N có đơn xin ly hôn ông Q không đồng ý ly hôn, bà N đã rút đơn xin ly hôn hai lần để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, căn cứ tài liệu xác minh ông Q thường xuyên uống rượu, cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông Q có mâu thuẫn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Con chung có 02 cháu tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 20/8/2002 và Huỳnh Quốc M, sinh ngày 12/6/2009. Cháu C có nguyện vọng sống với ông Q nên giao ông Q nuôi cháu Cường, cháu M có nguyện vọng sống với bà N nên giao cháu M cho bà N nuôi, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: Bà N khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết, còn ông Q khai không có nên không yêu cầu xem xét, do đó tách phần tài sản chung giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Về nợ chung: Không có. Án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Q có đơn xin không tham gia hòa giải, công khai chứng cứ và vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, đăng ký kết hôn số 69 quyền số 1 ngày 03/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà N xác định quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thường xuyên cãi nhau do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm và ông Q không có trách nhiệm với vợ con thường xuyên uống rượu gây gổ đánh vợ, bà đã hai lần nộp đơn xin ly hôn nhưng thương các con bà đã rút đơn hàn gắn đoàn tụ nhưng ông Q vẫn không thay đổi để vợ chồng cùng lo cho con cái, ông Q xác định có uống rượu nhưng không gây gổ với bà N, vì theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Q đã thật sự trầm trọng, bà N đã ba lần nộp đơn xin ly hôn, chứng tỏ việc hai lần rút đơn xin ly hôn trước đây để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng mục đích hôn nhân không đạt. Ngày 08/5/2018 Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết. Tại biên bản xác minh địa phương ngày 28/5/2018 thể hiện vợ chồng bà N và ông Q có mâu thuẫn do ông Q thường xuyên uống rượu. Tại phiên tòa ngày 15/6/2018 Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên bà N tiếp tục tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài gần mười năm, vì các con bà đã cố gắng nhưng nay bà không chịu đựng được nữa nên tha thiết được ly hôn, mong Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà được ly hôn để bà ổn định tinh thần. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 20/8/2002 và Huỳnh Quốc M, sinh ngày 12/6/2009. Qua tham khảo nguyện vọng cháu C muốn sống với ông Q, còn cháu M có nguyện vọng sống với bà N. Bà N đồng ý giao cháu C cho ông Q nuôi dưỡng, ông Q đồng ý giao cháu M cho bà N nuôi, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự nguyện phù hợp quy định pháp luật, do đó giao cháu Huỳnh Quốc C, sinh ngày 20/8/2002 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Huỳnh Quốc M, sinh ngày 12/6/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4] Về tài sản chung: Bà N khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết, còn ông Q khai không có nên không yêu cầu xem xét, do đó tách phần tài sản chung giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông Q khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà N phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Kim N. Cho bà Phạm Kim N được ly hôn ông Huỳnh Ái Q.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Quốc C, sinh ngày 20/8/2002 cho ông Huỳnh Ái Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Huỳnh Quốc M, sinh ngày 12/6/2009 cho bà Phạm Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Huỳnh Ái Q và bà Phạm Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Huỳnh Ái Q và bà Phạm Kim N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, ông Huỳnh Ái Q và bà Phạm Kim N được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Bà N và ông Q khai không có, nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà N phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 006632 ngày 05/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà N đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND xã H (1)

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Minh